

Bản án số: 75/2018/DS-PT
Ngày 24-4-2018
V/v “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tấn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Ba

Ông Phan Đức Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2018/TLPT-DS ngày 31 tháng 01 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1091/2017/DSST ngày 24/8/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 406/2018/QĐPT-DS ngày 26 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn N, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: 40/8B8 TBH, Phường 11, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của ông N:* Luật sư Lê Bình A, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Võ Đại Hoài A1, sinh năm 1977

Địa chỉ: 229/23 LQĐ, phường 7, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của ông A1: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: 55 LTT, phường PL, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Hoàng D (vắng mặt).

Địa chỉ: 104 Carmichael Court, Hopkinsville, KY240, USA (Hoa Kỳ).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn – Ông Võ Đại Hoài A1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của phía nguyên đơn ông Lê Văn N trình bày:

Vào năm 2012, do có nhu cầu muốn con trai là Lê Hoàng D trở thành ca sĩ, qua giới thiệu của bạn bè ông gặp ông Võ Đại Hoài A1 là nhạc sĩ, hai bên có ký hợp đồng ghi là hợp đồng kinh tế năm 2012 (nhưng không ghi ngày tháng), với nội dung:

Ông A1 thực hiện cho ông D một Album gồm 9 bài ca với nhiều thể loại, phải đảm bảo chất lượng và quảng bá Album này trên các phương tiện thông tin đại chúng như: Internet, báo giấy, đài phát thanh v.v.. Thời gian thực hiện là 6 tháng.

Ông N được sở hữu độc quyền liên quan đến toàn bộ Album này theo Luật sở hữu trí tuệ, ông N có trách nhiệm bảo đảm lịch thu âm, luyện tập cho cho việc làm album, cung cấp đầy đủ thông tin của ông Lê Hoàng D cho ông A1; ông N phải chi trả cho ông A1 các khoản tiền sau:

Chi phí sáng tác: 1.000USD/bài x 9 bài = 9.000USD;

Chi phí hòa âm: 100USD – 150USD/bài;

Thu âm và Mix: 50USD/bài;

Thực hiện in bìa, làm đĩa: 3.000 – 4.000USD/đĩa;

Chi phí quảng bá, quảng cáo.

Chi phí quản lý thực hiện: 2.000USD/tháng x 6 tháng = 12.000USD

Ông N đã giao 2 lần tiền:

Lần thứ 1: ngày 28/5/2012 số tiền 166.640.000đồng.

Lần thứ 2: 10.000USD

Tổng cộng được quy ra thành tiền Việt Nam là 396.920.000đồng

Nhận tiền xong ông A1 không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết, mà né tránh không gặp ông N, nay ông khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng đã ký nêu trên và buộc ông A1 trả lại cho ông số tiền đã nhận.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông N không yêu cầu đòi số tiền 166.640.000đồng tương đương 9.000 USD chi phí sáng tác 9 bài hát, mà chỉ đòi số tiền còn lại tương đương 10.000USD đã giao cho ông A1 (396.920.000đồng – 166.640.000đồng = 230.280.000đồng).

Theo đơn và các văn bản của phía bị đơn ông Võ Đại Hoài A1 do bà Nguyễn Thị Th đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông A1 có ký hợp đồng và nhận số tiền dịch vụ như ông N trình bày, nhưng quá trình thực hiện hợp đồng ông A1 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận như: Sáng tác 9 bài hát các thể loại cho ông D trình bày, tổ chức thu âm để ra Album độc quyền cho ông D, tư vấn chiến dịch phát hành Album và xây dựng thương hiệu, quảng bá trên phương tiện truyền thông, viết bài giới thiệu ông Lê Hoàng D trên báo âm nhạc Việt Nam số 26/2012, cử người làm

trợ lý cho ông D trong hoạt động âm nhạc, ngoài ra còn giới thiệu ông D đến các đơn vị để in bìa, in đĩa, nhưng ông D chưa thực hiện vì muốn chỉnh sửa để hoàn thiện thêm đĩa thu âm.

Đối với việc xin giấy phép phát hành ông A1 chỉ tư vấn, hỗ trợ chứ không có trách nhiệm thực hiện thủ tục xin giấy phép vì trong hợp đồng không quy định.

Khi thực hiện Hợp đồng ông D không bảo đảm lịch trình thu âm, tự ý bỏ về Hoa Kỳ 4 tháng khiến việc thu âm bị kéo dài gây thiệt hại cho ông A1 trong chi phí phòng thu, nhưng ông A1 vẫn cố thực hiện nghĩa vụ của mình, ngược lại phía ông N không hợp tác, tự ý chấm dứt hợp đồng, nên hợp đồng giữa hai bên không thể thực hiện tiếp được, lỗi hoàn toàn thuộc phía ông N, nên bị đơn không chấp nhận yêu cầu của ông N.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 1091/2017/DS-ST ngày 24/8/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã tuyên xử:

Căn cứ Điều 26; khoản 3 Điều 35; Điều 37, Điều 147, Điều 273; khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điều 122, 127, 128, 137 Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối 2005.

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N.

Tuyên bố hợp đồng kinh tế giữa ông Lê Văn N, ông Lê Hoàng D với ông Võ Đại Hoài A1 (Hợp đồng ghi không ghi ngày tháng - năm 2012) là vô hiệu.

Ông Võ Đại Hoài A1 phải hoàn trả cho ông Lê Văn N số tiền 226.950.000đồng (tương đương với 10.000USD đã nhận theo tỷ giá tại thời điểm xét xử).

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Đại Hoài A1 phải nộp 19.679.500 đồng.

Ông Lê Văn N chịu số tiền 8.332.000đồng, được khấu trừ số tiền 9.923.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AH/2011/04645 ngày 26/02/2013 của Chi cục Thi hành dân sự quận Bình Thạnh, nên ông N được hoàn lại số tiền 1.591.000đồng.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 01/9/2017, bà Nguyễn Thị Th là đại diện theo ủy quyền của Võ Đại Hoài A1 có làm đơn kháng cáo nêu lý do: Bản án sơ thẩm không thỏa đáng, gây thiệt hại quyền lợi của ông A1, đề nghị phúc xử lại bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N.

Ngày 08/9/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị số 49/QĐKNPT-P9, nội dung: Đề nghị phúc xử lại theo hướng sửa án sơ thẩm để xét công sức quản lý, tư vấn của ông A1 trong

quá trình thực hiện hợp đồng, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông N do ông không yêu cầu giải quyết đối với phần tiền 166.640.000đồng tương đương 9.000USD chi phí sáng tác 9 bài hát.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Phía nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.
- Luật sư Lê Bình A bảo vệ cho ông N cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hợp đồng vô hiệu, buộc ông A1 trả lại số tiền đã nhận cho ông N là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.
- Phía bị đơn đề nghị bác đơn kiện của ông N vì theo hợp đồng thì ông A1 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là chưa bảo đảm quyền lợi của ông A1, đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông A1.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý giải quyết đúng trình tự, thủ tục theo luật định, tại phiên tòa những người tham gia tố tụng cũng đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, hủy bản án sơ để xem xét lại công sức quản lý, tư vấn của ông A1 trong quá trình thực hiện hợp đồng, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo, kháng nghị: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh làm trong hạn luật định nên thủ tục kháng cáo, kháng nghị hợp lệ.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn thì vụ án có quan hệ tranh chấp về “*Hợp đồng dịch vụ*”, mà cụ thể là phía nguyên đơn đòi bị đơn trả lại số tiền 230.280.000đồng (tương đương 10.000USD) chi phí quản lý, tư vấn để thực hiện Album ca nhạc theo hợp đồng dịch vụ ghi năm 2012 (không ghi ngày tháng). Quan hệ tranh chấp trên được pháp luật quy định tại Điều 518 Bộ luật dân sự năm 2005. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, giải quyết đúng thẩm quyền được pháp luật quy định tại Điều 26, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo của đương sự:

[3.1] Theo hợp đồng giao dịch hai bên đương sự đã ký kết có nội dung thỏa thuận gồm 2 phần: Phần sáng tác Album 9 bài hát giá trị số tiền 166.640.000đồng

tương đương 9.000USD. Phần tư vấn và thực hiện chiến dịch phát hành quảng bá Album trị giá tương đương 12.000USD.

[3.2] Đối với phần sáng tác Album 9 bài hát, tại phiên tòa sơ thẩm ông N không yêu cầu đòi ông A1 trả lại số tiền 166.640.000đồng (tương đương 9.000USD) chi phí sáng tác 9 bài hát. Tòa án cấp sơ thẩm đã không đình chỉ giải quyết yêu cầu này của đương sự là chưa phù hợp được pháp luật quy định tại Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, có cơ chấp nhận phần kháng nghị này của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N.

[3.3] Đối với phần tư vấn và thực hiện chiến dịch phát hành quảng bá Album, ông N đòi ông A1 trả lại số tiền 230.280.000 đồng (tương đương 10.000USD) đã nhận.

Phần này các bên đương sự đều thừa nhận ông A1 đã thực hiện gồm: Tư vấn hướng dẫn ông D (con trai ông N) các vấn đề về phân loại ca sĩ; Vai trò và các mối quan hệ ca sĩ, nhạc sĩ hòa âm, nhạc sĩ sáng tác, bầu show, các kênh truyền thông; Các bước để có bản thu âm chất lượng cao, hướng dẫn trực tiếp thu âm 9 bài hát; Soạn chi tiết kế hoạch quảng bá cho ông D trên các kênh truyền thông; Thực hiện nhiều bài viết quảng cáo, phỏng vấn, giới thiệu ông D trên Tạp chí âm nhạc; Phân công nhân viên là ông Đoàn Mạnh T làm trợ lý cho ông D trong hoạt động âm nhạc.

Các công đoạn đã thực hiện xong, ông N đã nhận được đĩa Maste đúng như hợp đồng, khi chuẩn bị phát hành lên Karaohe và Đài phát thanh thì ông N yêu cầu dừng lại, theo ông N do chưa yên tâm vì sợ có một số lỗi trong quá trình thu âm, nên công việc phải tạm dừng không thực hiện tiếp nữa.

Như vậy có cơ sở xác định quá trình thực hiện các thỏa thuận, ông A1 có thực hiện nghĩa vụ để hoàn thành dịch vụ đến công đoạn hoàn tất bàn giao xong đĩa nhạc Master và chuẩn bị phát hành, việc không phát hành được là do ông N không đồng ý tiếp tục thực hiện chứ không phải do phía ông A1 đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Trong nội dung thỏa thuận của hợp đồng có quy định việc thanh toán bằng ngoại tệ USD là vi phạm pháp luật về quản lý ngoại hối, nhưng thực tế trong việc thực hiện thỏa thuận thì các bên đã thanh toán bằng việc quy đổi ra tiền đồng Việt Nam, nên giao dịch dân sự trên của các bên phù hợp với pháp luật, tại phiên tòa các bên đương sự cũng không có yêu cầu đòi hủy hợp đồng do vi phạm về phương thức thanh toán, mà chỉ tranh chấp về quá trình thực hiện.

[3.4] Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy hợp đồng và buộc ông A1 trả lại số tiền quy đổi tại thời điểm xét xử (tương đương 10.000USD) cho ông N là chưa xem xét đến thực tế trong việc thanh toán bằng tiền đồng Việt Nam mà các bên đã giao dịch trước đây và chưa xem xét đến quá trình tạo ra các sản phẩm dịch vụ mà ông A1 đã thực hiện theo thỏa thuận như các bên đã thừa nhận.

[3.5] Điều cần lưu ý là giao dịch mà các bên thỏa thuận là những sản phẩm đặc biệt nhằm đáp ứng các nhu cầu về tinh thần, khi ký kết hợp đồng các bên đã

không đặt ra yêu cầu về mức độ chuẩn mực để có thể cân đong, đo đếm hoặc thẩm định được mà chỉ thỏa thuận bằng các đầu việc theo hợp đồng; do đó có cơ sở xác định hầu hết các danh mục công việc theo thỏa thuận ông A1 đều đã thực hiện, việc Album không phát hành được là do lỗi của ông D bỏ về nước và ông N không đồng ý tiếp tục thực hiện nữa.

Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa án sơ thẩm; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do vụ án dân sự thụ lý trước 01/01/2017 nên án phí được áp dụng theo Pháp lệnh về lệ phí, án phí Tòa án năm 2009.

Do yêu cầu của ông Lê Văn N đòi lại số tiền 230.280.000đồng (tương đương với 10.000USD) x 5% = 11.514.000đồng.

Ông Võ Đại Hoài A1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên phía bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 26, 37, 147, 157, 165, 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 122, 388, 417, 518 Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th đại diện theo ủy quyền của bị đơn và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 1091/2017/DS-ST ngày 24/8/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ yêu cầu của ông Lê Văn N về việc đòi ông Võ Hoài An trả lại số tiền 166.640.000đồng (tương đương 9.000USD) chi phí sáng tác 9 bài hát, theo hợp đồng dịch vụ năm 2012 (không ghi ngày tháng) ký kết giữa ông Lê Văn N và ông Võ Đại Hoài A1.

2/ Bác yêu cầu của ông Lê Văn N về việc đòi ông Võ Đại Hoài A1 trả lại số tiền 230.280.000đồng (tương đương 10.000USD) chi phí tư vấn và thực hiện

chiến dịch phát hành quảng bá Abum, theo theo hợp đồng dịch vụ năm 2012 (không ghi ngày tháng) ký kết giữa ông Lê Văn N và ông Võ Đại Hoài A1.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn N chịu số tiền 11.514.000đồng, được khấu trừ số tiền 9.923.000đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số AH/2011/04645 ngày 26/02/2013 của Chi cục Thi hành dân sự quận Bình Thạnh, như vậy ông N còn phải nộp tiếp số tiền 1.591.000đồng.

4/ Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Đại Hoài A1 không phải chịu, hoàn lại cho ông Võ Đại Hoài A1 số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số AA/2017/0047689 ngày 18/9/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- Các đương sự (3);
- Lưu: VP (3), HS (2), 13b. (ÁN 09)

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Tấn